

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS- ST
Ngày: 15 -11 - 2019
V/v tranh chấp QSDĐ và
yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN- TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Lan Anh

Ông Nguyễn Xuân Quý

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Sắc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản, công trình trên đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX- ST ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nông Ngọc T, sinh năm 1972;

Trú tại: Số 1, đường V, khối T 2, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị Kim N, sinh năm 1980;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3, đường V, khối T 2, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Cư trú tại: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Hải S;

2. Ông Nông Tuấn T;

Cùng địa chỉ: Số 1, đường V, khối T 2, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank).

Địa chỉ: Số 108, phố T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) - Chi nhánh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 1035/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 14/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam).

Địa chỉ: Số 35, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/5/2018 và ngày 17/7/2019 cùng các văn bản, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nông Tuyết N (là bố, mẹ đẻ của ông Nông Ngọc T, Nông Hải S, Nông Tuấn T và bà Nông Thị Kim N; bà Nông Tuyết N chết năm 2015, ông Nguyễn Ngọc T chết năm 2018) có 03 thửa đất nằm liền kề nhau trên một khu đất là các thửa 37, 108 và 155. Khi ông Nguyễn Ngọc T và bà Nông Tuyết N còn sống, năm 2005 đã chia cho 03 anh em trai mỗi người một lô đất để xây nhà trên thửa 37 và thửa 108, nhưng vẫn chưa làm giấy tờ cho và chưa tách sổ. Ngày 05/5/2015 bà Nông Thị Kim N được bố mẹ làm hợp đồng tặng cho riêng thửa 155 có diện tích 224,3m²; cũng năm 2015 bà Nông Thị Kim N đã xây 01 ngôi nhà 02 tầng trên đất được tặng cho. Năm 2016, gia đình họp bàn để tách sổ cho 03 người con trai, khi cơ quan chuyên môn đo đạc mới phát hiện bà Nông Thị Kim N xây nhà lấn sang thửa đất 108 khoảng 15 m². Ông Nông Ngọc T cùng gia đình đã yêu cầu bà Nông Thị Kim N bồi thường tiền trị giá đất đã lấn chiếm 5.000.000 đồng/m², thành tiền là 75.000.000 đồng, nhưng bà Nông Thị Kim N không đồng ý. Ông Thái cùng gia đình đã nhiều lần yêu cầu bà Nông Thị Kim N trả đất nhưng bà Nông Thị Kim N không trả. Nay ông Nông Ngọc T yêu cầu:

- Buộc bà Nông Thị Kim N trả lại diện tích đất khoảng 15 m² và tháo dỡ, công trình, vật kiến trúc trên đất để trả lại cho 03 anh em ông Nông Ngọc T, Nông Hải S và Nông Tuấn T nguyên trạng thửa đất số 108, tờ bản đồ số 51, khối T 2, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đối với bà Nông Thị Kim N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập bà Nông Thị Kim N nhiều lần để viết bản khai, yêu cầu cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, bà Nông Thị Kim N vẫn vắng mặt, không chịu hợp tác, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bà Nông Thị Kim N và không tiến hành hòa giải được. Ngày 24/10/2019, bà Nông Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi lại đất, buộc bị đơn tháo dỡ công trình để trả lại nguyên trạng thửa đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn trình bày: Năm 2016 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ký hợp đồng tín dụng cho bà Nông Thị Kim N vay 800.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản tiền vay, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản, theo đó bà Nông Thị Kim N thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất là thửa 155, tờ bản đồ số 51, khối T2, phường C, thành phố L. Do bà Nông Thị Kim N vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án. Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, buộc bà Nông Thị Kim N trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi bản án có hiệu lực, Ngân hàng yêu cầu thi hành bản án đối với tài sản thế chấp, nhưng khi cơ quan chuyên môn đo đạc, cắm mốc mới phát hiện tài sản thế chấp (nhà ở của bà Nông Thị Kim N) lấn sang phần đất thửa số 108 của anh em ông Nông Ngọc T đang quản lý. Ngân hàng không có ý kiến gì về việc Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nông Ngọc T và bà Nông Thị Kim N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng; đảm bảo cho đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ kể từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để viết bản khai, yêu cầu cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa và giao các văn bản tố tụng khác nhưng đều không chấp hành, cố tình trốn tránh. Không thực hiện các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn, nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp nằm một phần tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 51, địa chỉ khối T2, phường C, thành phố L. Nguồn gốc đất của hộ bà Nông Tuyết N (mẹ đẻ của nguyên đơn, bị đơn), đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 10/9/2004.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề xuất: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc T (đại diện cho 03 anh em là ông Nông Ngọc T, ông Nông Hải S và ông

Nông Tuấn T) đòi bà Nông Thị Kim N trả đất và tháo dỡ phần nhà xây tại thửa 108, tờ bản đồ địa chính số 51, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn vì không có căn cứ pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nông Thị Kim N, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 3, đường V, khối T2, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; hiện cư trú tại thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (chưa đăng ký tạm trú). Đất tranh chấp có địa chỉ tại số 3, đường V, khối T2, phường C, thành phố L. Căn cứ Điều 26, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập bà Nông Thị Kim N nhiều lần để viết bản khai, yêu cầu cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự, nhưng phía bị đơn bà Nông Thị Kim N đều không chấp hành, cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập. Ngày 24/10/2019, bà Nông Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Nông Thị Kim N.

[2] Vị trí, diện tích đất tranh chấp: Diện tích đất tranh chấp nằm một phần trong thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 51, đường T2, phường C, thành phố L. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố L (viết tắt: UBND) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) số Y 151852 ngày 10/9/2004 cho hộ bà Nông Tuyết N (bà Nông Tuyết N đã chết, không có di chúc, hiện nay do 03 anh em ông Nông Ngọc T, Nông Hải S và Nông Tuấn T đang quản lý). Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản và Trích đo địa chính ngày 28/10/2019 của Trung tâm của Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, hệ tọa độ VN 2000, khối Đ, tờ số 51 (SD-2019), thể hiện: Nhà bà Nông Thị Kim N được xây dựng trên thửa đất 155, tờ bản đồ địa chính số 51, đường T2, phường C, thành phố L là nhà loại 2, có 02 tầng, xây dựng năm 2015. Kích thước tầng 1: 5,0 m x 14,0m = 70 m². Tầng 2: 5,0 m x 15,0 m = 75 m², tổng diện tích sàn 145m². Một phần nhà phía trước lấn sang thửa 108 thửa có tổng diện tích 12,3 m², trong đó 4,2 m² là phần tường phía trước cửa chính và phòng khách tầng 1; có 7,9 m² là bậc thềm nhà và 0,2 m² là phần đất bậc thềm nhà bà Nông Thị Kim N, phần này Nhà nước thu hồi làm đường V, đã bồi thường (trên trích đo ký hiệu ABCDE FGHKA), cụ thể đất có các cạnh và hướng tiếp giáp:

- + Hướng Đông giáp thửa 108 và phần đất đã thu hồi làm đường Văn Vĩ;
- + Hướng Tây giáp nhà đất ông Nông Tuấn T (thửa số 108);
- + Hướng Nam giáp đất thửa 108;
- + Hướng Bắc là phòng khách nhà bà Nông Thị Kim N thửa 155.

[3] Về giá đất tranh chấp: Kết quả định giá theo giá thị trường 3.000.000 đồng/m², cụ thể: 12,1 m² x 3.000.000 đồng/m² = 36.300.000 đồng. Giá trị nhà: 145 m² x 5.115.960 đồng/m² x 70% = 519.270.000 đồng (đã trừ 0,2m² do Nhà nước đã thu hồi và bồi thường khi làm đường V).

[4] Về nguồn gốc đất: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nông Tuyết N (bố mẹ đẻ ông Nông Ngọc T, bà Nông Thị Kim N) có khu đất gồm các thửa 109, 108 và 37 có tổng diện tích 1.466,6 m² gồm đất ở và đất vườn. Đất ở có 02 thửa gồm: Thửa 108 có diện tích 100,1 m², thửa 37 có diện tích 137,6m², còn lại 1.228,9m² là đất vườn. Năm 2002 Nhà nước làm đường V thu hồi 140m², diện tích còn lại là 1.088m². Năm 2004, hộ bà Nông Tuyết N được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 108 và thửa 37. Thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ bà Nông Tuyết N gồm ông Nguyễn Ngọc T (chồng bà Nông Tuyết N) và các con Nông Ngọc T, Nông Hải S, Nông Tuấn T và Nông Thị Kim N. Năm 2005, bà Nông Tuyết N cho các con trai mỗi người một phần đất để làm nhà ở riêng, nhưng chưa làm giấy tờ tặng cho và cũng chưa tách thành thửa đất riêng của từng người, cụ thể: Ông Nông Ngọc T làm nhà trên một phần đất thửa 190 cũ (chưa tách thửa) và một phần thửa 37; ông Nông Hải S làm nhà trên một phần thửa 37, một phần thửa 108; ông Nông Tuấn T làm nhà trên một phần thửa 37 và một phần thửa 108. Các ông Nông Ngọc T, Nông Hải S và Nông Tuấn T làm nhà nhưng không biết cụ thể mình làm trên thửa nào; tuy nhiên các ông vẫn sinh sống ổn định từ năm 2005 đến nay không có ai tranh chấp; ông Nguyễn Ngọc T và bà Nông Tuyết N khi còn sống cũng không ai có ý kiến gì. Ngày 27/02/2015, hộ bà Nông Tuyết N được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 155, cùng tờ bản đồ số 51, đất có cạnh phía Tây giáp nhà ông Nông Tuấn T (thửa 108). Ngày 05/5/2015, bà Nông Tuyết N và ông Nguyễn Ngọc T làm hợp đồng tặng cho con gái là bà Nông Thị Kim N thửa đất 155 có diện tích 224,3m² và được Công chứng tại Văn phòng Công chứng AV, số Công chứng 1243, Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi được cho đất, bà Nông Thị Kim N xây trên đất ngôi nhà 02 tầng và được UBND thành phố Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ thửa 155 đứng tên bà Nông Thị Kim N; do không nắm được ranh giới thửa đất 155 nên khi xây nhà có lấn 12,3 m² sang đất của thửa 108, thời điểm này đất vẫn đứng tên hộ bà Nông Tuyết N.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 25/12/2015 bà Nông Tuyết N chết, không để lại di chúc. Sau khi bà Nông Tuyết N chết, ông Nguyễn Ngọc T đã họp gia đình để phân chia đất hương hỏa của bà Nông Tuyết N cho các con. Tại biên bản họp phân chia đất ngày 19/02/2016 ghi rõ: Phần nhà, đất của ông Nông Ngọc T, Nông Hải S và Nông Tuấn T được giữ nguyên hiện trạng; ông Nguyễn Ngọc T và bà Nông Thị Kim N từ chối nhận di sản của bà Nông Tuyết N; biên bản có chữ ký của các thành viên trong gia đình gồm ông Nguyễn Ngọc T, ông Nông Ngọc T, Nông Hải S, Nông Tuấn T và bà Nông Thị Kim N. Như vậy, các thành viên trong gia đình đã có sự thống nhất về việc giữ nguyên hiện trạng nhà, đất của từng người như đã xây dựng từ năm 2005. Tuy nhiên, đất của ông Nông Ngọc T, ông Nông Hải S, ông Nông Tuấn T được chia như thế nào, mỗi người bao nhiêu m², tại thửa đất nào, ranh giới cụ thể thế nào thì tại thời điểm đó không có văn bản thể hiện. Nên việc bà Nông Thị Kim N xây nhà lấn sang phần đất thửa 108 là thửa đất vẫn đứng tên hộ bà Nông Tuyết N, không xâm phạm quyền lợi của ông Nông Ngọc T và các anh em

tra trong gia đình. Vì vậy, ông Nông Ngọc T thay mặt 03 anh em trong gia đình khởi kiện đòi lại phần đất tại thửa 108 và yêu cầu bà Nông Thị Kim N tháo dỡ nhà để trả đất là không có căn cứ pháp luật. Bà Nông Thị Kim N tiếp tục sử dụng phần đất đã xây nhà tại thửa 108 và có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục của người sử dụng đất theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 2.700.000 đồng, chi phí trích đo 6.509.000 đồng; tổng cộng 9.209.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ông Nông Ngọc T đã tạm ứng trước số tiền chi phí tố tụng 12.700.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền chi phí 9.209.000 đồng, số tiền còn thừa 3.491.000 đồng ông Nông Ngọc T đã nhận lại ngày 15/11/2019.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc T không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nông Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 17; Điều 26; Điều 100; Điều 166; Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai. Điều 163, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Ngọc T về việc buộc bà Nông Thị Kim N trả lại phần đất 12,1 m² và tháo dỡ phần nhà đã xây trên đất tại thửa 108, tờ bản đồ địa chính số 51, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ pháp luật.

2. Bà Nông Thị Kim N tiếp tục sử dụng đối với diện tích đất 12,1m² tại thửa 108, tờ bản đồ địa chính số 51, phường Chi Lăng, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (trên trích đo ký hiệu ABCDE FGHK A), đất có các cạnh và hướng tiếp giáp:

- + Hướng Đông giáp thửa 108 và phần đất đã thu hồi làm đường V;
- + Hướng Tây giáp nhà đất ông Nông Tuấn T (thửa số 108);
- + Hướng Nam giáp đất trống thửa 108;
- + Hướng Bắc giáp phòng khách nhà bà Nông Thị Kim N thửa 155.

(Diện tích, cạnh và hướng tiếp giáp của đất tranh chấp thể hiện trên Trích đo SD 73- 2019- Hệ tọa độ VN2000, khối T, tờ số 51, ngày 28/10/2019 của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kèm theo bản án).

Bà Nông Thị Kim N có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nông Ngọc T phải chịu 2.700.000 đồng chi phí xem xét thẩm tại chỗ, chi phí định giá tài sản và 6.509.000 đồng chi phí đo đạc (trích đo địa chính), tổng cộng là 9.209.000 đồng. Xác nhận ông Nông Ngọc T đã tạm ứng và thanh toán xong tất cả chi phí tố tụng; số tiền còn thừa 3.491.000 đồng, ông Nông Ngọc T đã nhận lại ngày 15/11/2019.

6. Về án phí: Ông Nông Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận Nông Ngọc T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2015/0001861 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Sinh